

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2024 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI NĂM 2024

Năm 2024 trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức do tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp; nền kinh tế trong nước còn gặp nhiều khó khăn, thiên tai, lũ lụt, đặc biệt cơn bão số 3 (bão Yagi) đã ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong bối cảnh đó, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp, các ngành cùng toàn thể Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp đã nỗ lực tháo gỡ khó khăn, khôi phục sản xuất, thúc đẩy phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống Nhân dân, nhờ đó tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đạt được kết quả tích cực trên tất cả các lĩnh vực.

I.KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Về kinh tế: Mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức song kinh tế của tỉnh tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2024 ước tăng 7,7% (KH tăng 7,5%-8%). Động lực chủ yếu đóng góp vào tăng trưởng kinh tế là từ khu vực công nghiệp và xây dựng với mức tăng 11,07%, đóng góp 6,43 điểm phần trăm; khu vực thương mại và dịch vụ tăng trưởng thấp với mức tăng 2,96%, đóng góp 0,82 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 9,60%, đóng góp 0,58 điểm phần trăm. Riêng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 1,63%, kéo tăng trưởng kinh tế của tỉnh thấp đi 0,13 điểm phần trăm.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 10,25%, (KH tăng 8,5%). Giá trị sản xuất: Công nghiệp và xây dựng tăng 10,33% (KH tăng 8,5-8,7%); trong đó công nghiệp tăng 9,62%, KH tăng 8,5%; xây dựng tăng 17,94%, KH tăng 10%; thương mại, dịch vụ tăng 3,65% (KH 9%); nông lâm nghiệp và thủy sản giảm 1,62% (KH tăng 2%).

Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp, xây dựng chiếm 62,65%; Dịch vụ chiếm 24,85%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,78%; Nông nghiệp, thủy sản chiếm 6,72%; (năm 2023 tương ứng: 62,1% - 25,1%- 5,9% - 6,9%). GRDP

bình quân đầu người 121,3 triệu đồng (KH 121 triệu đồng). Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội vượt kế hoạch đề ra, đạt 75.630 tỷ đồng (KH 70.000 tỷ đồng).

Tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ ước đạt 131.984 tỷ đồng (Kế hoạch 95.000 tỷ đồng), giảm 2,48 %; Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 7.200 triệu USD, tăng 16,03% so với năm 2023 và vượt 2,86% so với Kế hoạch năm (KH 7.000 triệu USD).

Thu ngân sách đạt 40.114 tỷ đồng, đạt 122,2% so với dự toán, tăng 23,6% so với cùng kỳ. Trong đó thu nội địa đạt 35.814 tỷ đồng, đạt 122,9% dự toán, thu xuất nhập khẩu đạt 4.300 tỷ đồng, đạt 116,2% dự toán.

Về xã hội: Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 80,83% (KH 93,85%), tỷ lệ phòng học kiên cố hóa đạt 96,08% (KH 98,48%); số học sinh phổ thông bình quân một lớp cấp tiểu học 35 học sinh (KH 35 học sinh), cấp trung học là 42 học sinh (KH 42 học sinh).

Duy trì tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới 1% (KH <1%); tuổi thọ trung bình trên 75 tuổi (KH >75 tuổi); tỷ số giới tính khi sinh ở mức 118,2 bé trai/100 bé gái (KH 118,2 bé trai/100 bé gái). Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế 78,39% (KH 50%); có 9,3 bác sỹ và 32,9 giường bệnh/1 vạn dân (KH tương ứng 9,3 bác sỹ-31 giường bệnh/vạn dân).

Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,44% (KH 0,71%). Tạo việc làm mới cho 34 .439 lao động đạt 143% KH. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 70% (KH 70%), trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ đạt 34% (KH 32%). Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 94,2% (KH 94,2%). Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 47% (KH 47%).

Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch đạt 92% (KH 92%); tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn 98% (KH 98%). Toàn tỉnh có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, tỷ lệ các xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu đạt trên 30%; huyện Văn Giang đạt huyện nông thôn mới nâng cao.

Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 92,3% (KH 92,3%); tỷ lệ làng văn hóa, tổ dân phố văn hóa đạt 90,5% (KH 90,5%).

Về môi trường đô thị: Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 100% (KH 100%); tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt 90% (KH 92%); tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý đạt 82% (KH 87%); tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100% (KH 100%); Tỷ lệ đô thị hóa đạt 46% (KH 46%).

1. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp và xây dựng năm 2024 có nhiều thuận lợi hơn so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 10,25%, (KH tăng 8,5%), đây là mức tăng cao trong vòng 5 năm trở lại đây, cho thấy sản xuất công nghiệp của tỉnh đang có sự phục hồi và phát triển. Trong đó: ngành chế biến, chế tạo tăng 10,21%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều

hòa không khí tăng 10,5%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý, xử lý nước thải, rác thải tăng 9,87%. Đặc biệt hai ngành có đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng của khu vực công nghiệp là sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn và sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính.

Công tác quản lý nhà nước về công nghiệp được tăng cường. Nhiệm vụ giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp được chú trọng. Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Thỏ Hoàng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư. Đến nay toàn tỉnh có 10 khu công nghiệp đi vào hoạt động, kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp cơ bản đồng bộ. Trong năm đã giải phóng mặt bằng được khoảng 40ha, xây dựng hạ tầng KCN được khoảng 450 ha, bằng 180% so với kế hoạch đã giao (250 ha), cho thuê khoảng 221 ha. Lũy kế đến nay, các KCN đã giải phóng mặt bằng được khoảng 2.730 ha (đạt 95%), cho thuê khoảng 2.596 ha (đạt 90%), đầu tư xây dựng hạ tầng được khoảng 2.256 ha (đạt 79%). Trên địa bàn tỉnh có 24 cụm công nghiệp được UBND tỉnh quyết định thành lập với tổng diện tích là 1.148,97 ha. Năm 2024 có thêm 04 CCN được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nâng tổng số CCN đã được chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa lên 18 CCN; 16 CCN đang thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng (GPMB) (đã GPMB thêm được 289,2 ha, nâng tổng diện tích đất đã đền bù GPMB là 696,47ha); Có 07 CCN đã san lấp và xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nâng tổng số CCN đã san lấp và xây dựng hạ tầng kỹ thuật là 11 CCN) với tổng diện tích khoảng 320,47ha. Có 07 dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật đồng bộ CCN được đưa vào danh mục các công trình trọng điểm của tỉnh giai đoạn 2021-2025. Tính đến thời điểm báo cáo đã có: 06/07 CCN được chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất với tổng diện tích 416,28ha; 05/07 CCN đang triển khai thực hiện đền bù GPMB với diện tích đã được đền bù, GPMB là 212,89ha/368,5ha, đạt 57,77%. Tình hình cung ứng điện trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định, đáp ứng nhu cầu về điện phục vụ sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp và đời sống sinh hoạt của nhân dân góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội của tỉnh.

2. Công tác quản lý quy hoạch, xây dựng

Hoạt động xây dựng tiếp tục duy trì tăng trưởng khá nhờ hoạt động xây dựng nhà các loại tăng khá, trong đó tăng chủ yếu từ khu đô thị Vinhomes Ocean Park Hưng Yên, dự án Khu đô thị thương mại và du lịch Văn Giang (Ecopark). Bên cạnh đó, hoạt động xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng từ nguồn vốn đầu tư công được các cấp, các ngành quan tâm đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư cũng đã tác động khá đến tăng trưởng ngành xây dựng. Kết quả giá trị sản xuất ngành xây dựng theo giá so sánh 2010 của toàn tỉnh trong năm 2024 ước tăng 17,94% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 46% (KH 46%); tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch đạt 92% (KH 92%); Tỷ lệ chiều dài tuyến đường chính và khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng 67%; Diện tích nhà ở bình quân đầu người toàn tỉnh đạt 29,15m² sàn/người. Chất lượng nhà ở toàn tỉnh đạt mức cao với tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố chiếm 99,96% tổng số nhà ở.

Công tác quản lý kiến trúc - quy hoạch được chú trọng. Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tỉnh đã phê duyệt: Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng Khu Đô thị - Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; 10 Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị, 02 đồ án quy hoạch phân khu đô thị; 08 nhiệm vụ và 10 đồ án quy hoạch (điều chỉnh quy hoạch) chi tiết đô thị, dự án đầu tư xây dựng; 08 nhiệm vụ và 05 đồ án quy hoạch (điều chỉnh quy hoạch) khu, cụm công nghiệp; quy hoạch (điều chỉnh quy hoạch); 10 dự án sản xuất công nghiệp.

3. Thương mại, dịch vụ

Khu vực dịch vụ có tăng trưởng thấp hơn so với cùng kỳ năm 2023, nguyên nhân chủ yếu là do Chi nhánh tại Hưng Yên - Công ty Cổ phần Vinhomes và Công ty CP Tập đoàn Ecopark ghi nhận doanh thu giảm dẫn tới sự sụt giảm của ngành kinh doanh bất động sản giảm. Bên cạnh đó, một số ngành dịch vụ bị ảnh hưởng do mưa, bão nên có mức tăng trưởng thấp hoặc âm như: vận tải, kho bãi; dịch vụ ăn uống giảm... Giá trị sản xuất dịch vụ tăng 3,65% (cùng kỳ năm 2023 tăng 17,44%; kế hoạch tăng 9%). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 131.984 tỷ đồng, vượt 36,84% so với kế hoạch năm 2024 (Kế hoạch 95.000 tỷ đồng). Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 7.200 triệu USD đạt 102,86% kế hoạch; kim ngạch nhập khẩu ước đạt 6.000 triệu USD. Hoạt động quản lý thương mại được quan tâm.

Hoạt động thương mại điện tử ở tỉnh đã có những bước phát triển đáng kể, các hoạt động kinh doanh, mua bán trực tuyến ngày càng phổ biến. Năm 2024 Chỉ số về giao dịch giữa doanh nghiệp với người tiêu dùng (B2C) của Hưng Yên đứng thứ 13/58. Thường xuyên đảm bảo cung cầu, lưu thông hàng hoá thông suốt, không xảy ra khan hiếm, tăng giá đột biến các hàng hoá, dịch vụ trên địa bàn tỉnh, nhất là hàng hoá thiết yếu như xăng dầu, lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh... đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của nhân dân. Tổ chức hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại như: Phiên chợ Vải Hưng Yên năm 2024, Tuần lễ tôn vinh Nhân lồng Hưng Yên năm 2024; Tuần lễ Nhân lồng-Nông sản tiêu biểu tỉnh Hưng Yên năm 2024 tại Hà Nội...Tổ chức thành công gian hàng của tỉnh tại Hội chợ thương mại Festival Huế năm 2024.

4. Sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới

Sản xuất nông nghiệp chịu tác động nhiều bởi thời tiết, đặc biệt siêu bão Yagi đã ảnh hưởng lớn, dẫn tới giá trị sản xuất của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 1,62% (KH tăng 2%). Tổng diện tích gieo trồng lúa ước đạt 48.976 ha, đạt 100,9% kế hoạch giao (KH: 48.044 ha), giảm 2,6% so với năm 2023, lúa chất lượng cao chiếm khoảng 71% diện tích, đạt chỉ tiêu kế hoạch giao (MT: 71%). Diện tích cây ăn quả năm 2024 ước đạt khoảng 14.752 ha, đạt 100,4% kế hoạch (MT: 14.702ha); trong đó nhãn khoảng 5.000ha, sản lượng tương đương năm 2023.

Hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên cơ bản ổn định, không có dịch bệnh nguy hiểm xảy ra, tuy nhiên do ảnh hưởng của mưa bão nên tổng đàn

một số con suy giảm: đàn trâu giảm 4,48%; đàn bò tăng 1,36%; đàn lợn tăng 0,14%; đàn gia cầm giảm 2,39%. Diện tích nuôi trồng thủy sản giảm 4,02% so với cùng kỳ năm 2023 do ảnh hưởng của bão số 3 và mưa, lũ. Sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 51.838 tấn, giảm 2,1% so với cùng kỳ năm trước.

Công tác thủy lợi, quản lý đê điều và phòng chống lụt bão được tăng cường đảm bảo đủ nguồn nước phục vụ cho sản xuất. Kinh tế hợp tác phát triển, đa dạng về hình thức và quy mô. Tính đến hết tháng 9/2024, toàn tỉnh có 398 HTX nông nghiệp (tăng 08 HTX so với năm 2023 đạt 80% chỉ tiêu giao); đánh giá, xếp loại 29 sản phẩm OCOP 3 sao; duy trì 199 liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm, tăng thu nhập và từng bước cải thiện đời sống nông dân. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai hiệu quả. Dự kiến cả năm 2024: có thêm 37 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, toàn tỉnh có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có thêm 10-15 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, đưa tỷ lệ các xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu lên trên 30%; huyện Văn Giang đạt huyện nông thôn mới nâng cao.

5. Thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

Trong năm 2024, tỉnh đã luôn đồng hành, sát cánh cùng nhà đầu tư, lắng nghe và trân trọng ý kiến đóng góp của các doanh nghiệp, các hiệp hội đầu tư trong và ngoài nước, tạo nên sự gắn kết, tin tưởng của các nhà đầu tư. Luôn quan tâm đến quyền lợi hợp pháp và chính đáng của nhân dân trong vùng dự án; xác định công tác đền bù, tái định cư, tạo điều kiện thuận lợi để người dân sinh sống và làm việc là yếu tố then chốt. Nhờ đó mà công tác thu hút đầu tư đạt được nhiều kết quả tích cực, ước trong năm 2024, kết quả thu hút đầu tư mới và điều chỉnh tăng thêm đạt 25.751 tỷ đồng và 1.400 triệu USD (tổng tương đương 2.453 triệu USD). Trong đó: 138 dự án đầu tư mới (tăng 38 dự án so với cùng kỳ năm 2023), bao gồm có 86 dự án trong nước (tăng 42 dự án so với cùng kỳ năm 2023) và 52 dự án có vốn đầu tư nước ngoài (giảm 04 dự án so với cùng kỳ năm 2023), tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 19.619 tỷ đồng (tăng 7.600 tỷ đồng) và 1.279 triệu USD (tăng 539 triệu USD); thực hiện điều chỉnh tăng vốn cho 109 lượt dự án (70 dự án trong nước và 39 dự án nước ngoài) với tổng vốn đầu tư điều chỉnh tăng thêm là 6.132 tỷ đồng và 121 triệu USD. Nâng tổng số dự án còn liệu lực trên địa bàn tỉnh 2.328 dự án, trong đó có 1.730 dự án trong nước và 598 dự án nước ngoài với số vốn đầu tư đăng ký là 346.038 tỷ đồng và 8,4 tỷ USD. Bên cạnh việc đẩy mạnh các hoạt động thu hút đầu tư, tỉnh đã chỉ đạo rà soát, thu hồi các dự án chậm triển khai, không triển khai, không đưa đất vào sử dụng. Trong năm 2024, đã thực hiện thu hồi 08 dự án (05 dự án trong nước và 03 dự án nước ngoài).

Số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới đạt 1.860 doanh nghiệp, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm 2023 với tổng số vốn đăng ký mới đạt 32.934,7 tỷ đồng. Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 356 doanh nghiệp, tăng 9,2% so với cùng kỳ; số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh là 790 doanh nghiệp, tăng 18,4% so với cùng kỳ và số doanh nghiệp đã giải thể là 210 doanh nghiệp, tăng 6,5%. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 18.346 doanh nghiệp đăng ký thành lập với tổng số vốn đăng ký đạt 236.886 tỷ đồng.

6. Hoạt động tài chính, tiền tệ

Tổng thu ngân sách năm 2024 ước 40.114 tỷ đồng, đạt 122,2% so với dự toán, tăng 23,6% so với cùng kỳ. Trong đó thu nội địa đạt 35.814 tỷ đồng, đạt 122,9% dự toán, thu xuất nhập khẩu đạt 4.300 tỷ đồng, đạt 116,2% dự toán. Tổng thu dự kiến đạt khá so với dự toán và cùng kỳ là do có số nộp đột biến của các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản. Nếu trừ thu tiền sử dụng đất và thu từ xổ số thì thu nội địa ước được 25.291 tỷ đồng, vượt 119,9% so với dự toán. Một số khoản thu lớn vượt kế hoạch như: Khu vực DNNN trung ương đạt 120,3% dự toán; Thu từ khu vực DNNN địa phương đạt 110,0% dự toán. Thu từ khu vực DN có vốn ĐTNN đạt 114,0% so với dự toán. Tổng chi ngân sách ước 26.624,627 tỷ đồng, trong đó: Chi đầu tư phát triển đạt 16.997,024 tỷ đồng, đạt 82,4% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 95% kế hoạch vốn đã giao chi tiết cho các công trình, dự án; Chi thường xuyên 9.498,2 tỷ đồng bằng 105% dự toán.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của NHNN Việt Nam, NHNN tỉnh đã chỉ đạo các TCTD trên địa bàn tỉnh quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, quyết liệt các giải pháp tăng trưởng tín dụng đúng, trúng mục tiêu, an toàn, hiệu quả, đáp ứng kịp thời nhu cầu vay vốn tín dụng của nền kinh tế. Với việc thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp kết quả hoạt động ngân hàng đạt được khá tích cực. Tổng nguồn vốn của các tổ chức tín dụng ước đạt 150.000 tỷ đồng, tăng 14,9% so với 31/12/2023. Dư nợ cho vay ước đạt 112.700 tỷ đồng, tăng 15% so với 31/12/2023; trong đó: Cho vay nông nghiệp, nông thôn chiếm 44,4%, cho vay xuất khẩu chiếm 1,6%; cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 19,7%; cho vay công nghiệp hỗ trợ chiếm 3,7%. Dư nợ xấu trên toàn địa bàn là 1.500 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,3%/tổng dư nợ. Trong năm các tổ chức tín dụng đã triển khai hiệu quả chương trình hỗ trợ khắc phục hậu quả do cơn bão số 3 (YAGI) gây ra. Đến 30/9/2024, tổng số khách hàng bị thiệt hại là 4.392 khách hàng với tổng dư nợ bị thiệt hại là 4.230 tỷ đồng. Các biện pháp hỗ trợ và giải pháp tháo gỡ bao gồm: Hạ lãi suất: Tổng dư nợ được hạ lãi suất là 2.263 tỷ đồng; Số tiền lãi được hỗ trợ là 2,4 tỷ đồng. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ là 2.340 khách hàng với tổng dư nợ là 144 tỷ đồng. Miễn giảm lãi vay là 1.441 khách hàng với tổng dư nợ là 1.372 tỷ đồng. Cho vay mới là 8.242 khách hàng với tổng dư nợ là 164 tỷ đồng.

7. Đầu tư phát triển

Công tác huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng mạnh. Tổng vốn đầu tư phát triển ước đạt 75.630 tỷ đồng, tăng 10,65% so năm 2023, vượt kế hoạch đề ra (KH 70.000 tỷ đồng). Trong đó, vốn nhà nước khoảng 19.382 tỷ đồng, chiếm 25,6%, tăng 14,6%; vốn ngoài nhà nước 45.484 tỷ đồng, chiếm 60,1%, tăng 1,36%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 10.736 tỷ đồng, chiếm 14,23%, tăng 63,9% so với cùng kỳ.

Tổng kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2024 được giao là 22.501 tỷ đồng, bao gồm: Kế hoạch vốn được Thủ tướng Chính phủ giao là 20.624 tỷ đồng; Kế hoạch vốn do các cấp tỉnh, huyện, xã giao bổ sung: 1.876,7 tỷ đồng. Đến

nay số vốn đã phân bổ chi tiết cho các công trình, dự án 17.826 tỷ đồng. Trong năm đã tích cực chỉ đạo thực hiện các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công; tháo gỡ khó khăn vướng mắc và điều chuyển kế hoạch vốn giữa các công trình, dự án chậm triển khai sang các dự án có tiến độ nhanh. Dự kiến giải ngân cả năm được 16.997,024 tỷ đồng, đạt 82,4% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 95% kế hoạch vốn đã giao chi tiết cho các công trình, dự án.

8. Tài nguyên và môi trường

Đã phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 tại 10 huyện, thị xã, thành phố. Công tác chuyển nhượng, đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Hoạt động cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được quan tâm: Đối với đất ở của hộ gia đình cá nhân từ ngày 01/01/2024 đến 15/10/2024, đã cấp GCN là 3.216 thửa, diện tích 55,73 ha; Lũy kế đến ngày 31/10/2024 đã cấp được 286.952 thửa, đạt 71,91% tổng số thửa cần cấp, diện tích 7443.59 ha, đạt 70.49 % tổng diện tích cần cấp. Cấp giấy chứng nhận lần đầu đối với tổ chức từ ngày 01/01/2024 đến 15/10/2024 được 497 thửa với diện tích 587,56 ha. Tính lũy kế: Đến 15/10/2024 đã cấp 10.300 thửa, đạt 80.69% tổng số thửa cần cấp, tổng diện tích đã cấp 5.878.16 ha. Công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh được triển khai tích cực, từ đầu năm đến nay đã GPMB được 846,59 ha/1.759,77 ha, đạt 48,1%. Lĩnh vực tài nguyên và khoáng sản được quản lý hiệu quả. Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm. Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 100% (KH 100%); tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt 90% (KH 92%); tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý đạt 82% (KH 87%); tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100% (KH 100%); tỷ lệ số dự án đầu tư đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 100%; số hộ gia đình thực hiện thực hiện phân loại, xử lý rác thải hữu cơ đạt 48,07%. Đã góp ý kiến về môi trường cho 268 dự án đầu tư vào tỉnh. Công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm về tài nguyên môi trường được tích cực triển khai (đã phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính đối với 21 doanh nghiệp vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường với số tiền 2.505 triệu đồng; xử phạt đối với 33 doanh nghiệp do chậm thực hiện đăng ký biến động đất đai, với số tiền 276 triệu đồng).

9. Giao thông vận tải

Trong năm toàn tỉnh triển khai đầu tư hơn 432 km đường giao thông ở các cấp đường. Đã hoàn thành giai đoạn 1 và giai đoạn 2 Tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng với cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình và tiếp tục báo cáo cơ quan có thẩm quyền để hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông, nâng cấp thành tuyến đường cao tốc trong thời gian tới. Đang tích cực triển khai thi công các dự án đảm bảo tiến độ: Dự án đường Tân Phúc - Võng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên; Dự án đường kết nối ĐT.387 với cao tốc Hà Nội-Hải Phòng (Km31+100); Dự án Đường trục ngang kết nối QL.39 (Km22+550) với ĐT.376; Dự án ĐT.382B nhánh phải, Km0-Km14+420; Dự án nâng cấp cải tạo ĐT.380 đoạn Km0-Km2+800... Tiếp tục hoàn thiện thủ tục đầu tư và nhanh chóng khởi công các công trình giao thông

trọng điểm như: Tuyến đường bộ kết nối di sản văn hóa, du lịch phát triển kinh tế dọc sông Hồng; Dự án xây dựng cầu Cừ An 1 (bên phải) và cầu Cừ An 2 (bên trái) trên đường bên tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, tỉnh Hưng Yên; Dự án Xây dựng cầu Hải Hưng qua sông Chanh, kết nối tỉnh Hưng Yên và Hải Dương...

Công tác quản lý bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường sông được thực hiện theo đúng kế hoạch đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt. Doanh thu vận tải ước đạt 6.941 tỷ đồng, đạt 107% KH, tăng 7,15% so với năm 2023. Sản lượng vận tải tăng trưởng tốt: dự kiến vận chuyển hành khách đạt 19,27 triệu người, 108% kế hoạch, tăng 3,9%; luân chuyển hành khách đạt 1.044 triệu người.km, 108% kế hoạch, tăng 4,5%, vận chuyển hàng hóa đạt 37,3 triệu tấn, đạt 109% kế hoạch, tăng 5,68%, luân chuyển hàng hoá đạt 1.819 triệu tấn.km, đạt 106 % kế hoạch, tăng 8,43%. Tình hình tai nạn giao thông đang diễn biến phức tạp, tăng cả ba tiêu chí; 10 tháng đầu năm 2023, toàn tỉnh xảy ra 466 vụ, làm chết 161 người, bị thương 411 người, so với cùng kỳ năm 2023, tăng 23 vụ (5,2%), tăng 10 người chết (6,6%) và tăng 132 người bị thương (47,3%).

10. Khoa học và công nghệ

Hoạt động khoa học công nghệ tiếp tục phát triển đúng định hướng, có chiều sâu. Trong năm đã triển khai 57 nhiệm vụ khoa học công nghệ; tổ chức đánh giá, nghiệm thu 23 nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, sáng kiến, an toàn bức xạ và hạt nhân, công nghệ và thị trường công nghệ được đẩy mạnh. Phát triển toàn diện hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; khuyến khích và thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp bằng đổi mới sáng tạo, trọng tâm là doanh nghiệp, các cơ sở nghiên cứu, trường đại học. Kết quả Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2023 đạt 42,52 điểm, xếp hạng 18/63 địa phương. Triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ, phát triển các sản phẩm sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh; công nhận 60 sáng kiến, cấp 30 giấy phép sử dụng thiết bị X - quang, 18 chứng chỉ nhân viên bức xạ; tham gia góp ý về công nghệ đối với 72 dự án đầu tư. Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; và nhãn hàng hóa đối với các cơ sở y tế, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh được tăng cường. Ban hành 31 bản thông báo công bố hợp quy, 15 thông báo công bố hợp chuẩn; tiếp nhận 502 bản đăng ký kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, kiểm định trên 17.000 phương tiện đo các loại.

11. Giáo dục và đào tạo

Chất lượng giáo dục toàn diện không ngừng được nâng lên, kỷ cương nền nếp trong các hoạt động giáo dục được tăng cường. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư, dự kiến hết năm tỷ lệ phòng học kiên cố hóa đạt 98,48%) (KH 98,48%); số học sinh phổ thông bình quân một lớp cấp tiểu học 35 học sinh (KH 35 học sinh), cấp trung học là 42 học sinh (KH 42 học sinh). Toàn tỉnh có 388/480 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 80,83% (dự kiến đến hết năm 2024 hoàn thành kế hoạch 93,85%); 400/491 trường, trung tâm được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt 81,46%. Tỷ lệ giáo viên mầm non đạt chuẩn về trình độ đào tạo là 94,02%; trên chuẩn về trình độ đào tạo là 55,2%. Tỷ lệ giáo viên tiểu

học đạt chuẩn về trình độ đào tạo là 94,32%; trên chuẩn về trình độ đào tạo là 1,1%. Tỷ lệ giáo viên THCS đạt chuẩn về trình độ đào tạo là 93%; trên chuẩn về trình độ đào tạo là 3%. Tỷ lệ giáo viên THPT đạt chuẩn về trình độ đào tạo là 100%; trên chuẩn về trình độ đào tạo là 25%. Chất lượng đào tạo được duy trì và nâng cao: Huy động 100% các cháu trong độ tuổi 5 tuổi tới trường; Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,83 %; Tỷ lệ học sinh THCS tốt nghiệp lớp 9 đạt 99,64%; Tỷ lệ học sinh THPT tốt nghiệp lớp 12 đạt 99,53%. Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia THPT năm học 2023-2024 đạt 03 giải Nhất, 10 giải Nhì, 18 giải Ba và 29 giải Khuyến khích, đạt tỉ lệ học sinh tham gia đạt giải là 66,7%. Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học năm học 2023-2024 có 02 dự án dự thi và đã đoạt 01 giải Nhì và 01 giải Dự án tiềm năng. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục và dạy học qua internet đạt hiệu quả cao. Công tác thanh tra, kiểm tra được tiến hành thường xuyên.

12. Y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác phòng chống dịch bệnh thực hiện nghiêm túc. Các cơ sở điều trị thực hiện tốt công tác trực cấp cứu, khám chữa bệnh cho nhân dân đặc biệt trong các dịp lễ, tết. Chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên, không có tai biến trong điều trị. Chỉ tiêu khám, điều trị bình quân ước đạt 100% kế hoạch năm (cùng kỳ 100,25%). Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế 78,39% (KH 50%). Số giường bệnh/ 1 vạn dân đạt: 32,9 giường, trong đó giường công lập là 29,6 giường, giường ngoài công lập đạt 3,29 giường; Số bác sỹ /1 vạn dân đạt 9,3 bác sỹ. Công tác bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em được thực hiện thường xuyên. Tỷ số giới tính khi sinh ước đạt 120,6 bé trai/100 bé gái (cùng kỳ 128,7/100). Cung ứng đầy đủ và kịp thời các loại vắc xin và vật tư. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ước đạt 94,2%. Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm thực hiện đúng theo quy định. Công tác quản lý hành nghề y được tư nhân được đảm bảo. Công tác đấu thầu thuốc, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế được triển khai theo kế hoạch. Công tác quản lý môi trường y tế được thực hiện nghiêm túc đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, không lây lan các bệnh nguy hiểm ra cộng đồng.

13. Văn hóa, thể thao và du lịch

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội, được đảm bảo an toàn, tạo không khí vui tươi, phấn khởi trong nhân dân. Công tác quản lý di sản văn hóa được tăng cường. Đã lập hồ sơ khoa học trình công nhận cấp quốc gia đặc biệt đối với Khu di tích Đa Hòa - Dạ Trạch huyện Khoái Châu và xếp hạng cấp quốc gia đối với 02 di tích: Đình Đại Từ, xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm và Đình - Chùa Đại Hạnh, xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ; đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị đưa vào danh mục Di sản Văn hóa phi vật thể cấp quốc gia đối với “Lễ hội đình Quan Xuyên, huyện Khoái Châu” và “Nghệ thuật chèo tỉnh Hưng Yên”. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai tích cực. Năm 2024, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 92,3% (KH 92,3%); tỷ lệ làng văn hóa, tổ dân phố văn hóa đạt 90,5% (KH 90,5%). Đã tổ chức 8 giải thể thao quần chúng cấp tỉnh. Tỷ lệ tập luyện TDTT thường xuyên 36,5%; số gia đình tập luyện thể dục thể thao 30,5%. Thể thao thành tích cao được quan tâm. Đã tham dự thi đấu 35 giải quốc gia và đạt

tổng số 133 huy chương các loại, trong đó có 22 HCV, 33 HCB, 78 HCD. Hoạt động phát triển du lịch khởi sắc, ước tính trong năm đã đón khoảng 1,5 triệu lượt khách.

14. Lao động, thương binh và xã hội

Các hoạt động đảm bảo an sinh xã hội được triển khai hiệu quả. Đã tổ chức thăm, tặng quà cho người có công và các đối tượng chính sách, hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt với tổng kinh phí trên 120 tỷ đồng. Ước tính đã đào tạo nghề cho gần 67.500 người. Tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo đạt 92,5%. Tổng số lao động được giải quyết việc làm 34.439 người (đạt 143% kế hoạch năm), trong đó xuất khẩu lao động là 3.450 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 70%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ đạt 34%. Tỷ lệ bao phủ BHXH là 47% (tăng gần 3% so với cùng kỳ năm 2023); tỷ lệ lao động thiếu việc làm là 1,8% (giảm 0,12% so với cùng kỳ năm 2023). Tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai thực hiện giải quyết hồ sơ trực tuyến lĩnh vực người có công trên địa bàn tỉnh. Đang trình Thủ tướng Chính phủ cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với 486 liệt sĩ trên địa bàn tỉnh. Đã tổ chức điều dưỡng, phục hồi sức khỏe cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ đối với 6.409 người, đạt 90,2% kế hoạch. Hướng dẫn thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng đúng, đủ, kịp thời cho trên 84 nghìn đối tượng, tổng số tiền trên 100 tỷ đồng. Tổ chức, triển khai thực hiện rà soát hộ nghèo và cận nghèo thường xuyên, định kỳ và xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh. Dự kiến năm 2024 tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,44%; 100% đối tượng khó khăn đột xuất, đối tượng đủ điều kiện hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng được trợ giúp kịp thời.

15. Thông tin và truyền thông

Duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hưng Yên. Hiện đã công bố 1702 thủ tục hành chính thuộc quyền giải quyết của tỉnh lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trên cổng Dịch vụ công của tỉnh đã cung cấp 556 dịch vụ công trực tuyến một phần và 1133 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 110 dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến. Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Hưng Yên đã kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ phục vụ công tác thông kê, báo cáo định kỳ. Hệ thống được kết nối liên thông 4 cấp từ cấp xã đến cấp Trung ương, được tích hợp chứng thư số của cơ quan, chữ ký số của lãnh đạo phục vụ ký số các văn bản, tài liệu đảm bảo tính giá trị pháp lý. An toàn an ninh mạng được đảm bảo.

Kinh tế số được khuyến khích phát triển. Từ đầu năm đến nay, tỷ trọng kinh tế số trên GRDP là 9,26 %; sàn thương mại điện tử tỉnh hoạt động ổn định, hiệu quả; 100% các doanh nghiệp đã thực hiện nộp thuế điện tử và hóa đơn điện tử. Về xã hội số: Đang tiến hành cấp chữ ký số công cộng cho 100% cán bộ, giáo viên và học sinh từ lớp 11 trở lên. Các đơn vị, trường học tăng cường triển khai phần mềm truyền thông giáo dục hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành ngành Giáo dục đào tạo. Các cơ sở khám chữa bệnh triển khai thực hiện khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế sử dụng căn cước công dân gắn chip thay thế thẻ Bảo hiểm y tế bằng giấy. Toàn tỉnh đã có

193/193 cơ sở khám chữa bệnh có khả năng đăng ký khám chữa bệnh bằng Căn cước công dân gắn chip thay thế thẻ Bảo hiểm y tế.

16. Cải cách hành chính, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý tôn giáo, thi đua khen thưởng

Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính được đẩy mạnh. Đến nay 17/17 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã thực hiện việc sắp xếp, tổ chức bộ máy đảm bảo theo quy định; đã thực hiện giảm 03 phòng chuyên môn thuộc các Sở và 10 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện; hoàn thành xong việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm của 30/30 sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và 509 đơn vị sự nghiệp công lập được cấp có thẩm quyền giao biên chế. Đã trình Trung ương bổ sung cho tỉnh 1.576 biên chế giáo viên trong năm học 2024-2025. Công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được triển khai hiệu quả. Tổng số hồ sơ đã đồng bộ các trường thông tin cơ bản đạt 100% và được kết nối, chia sẻ, đồng bộ với CSDLQG về CBCCVC của Bộ Nội vụ. Công tác địa giới hành chính có nhiều điểm nhấn; trong đó, đã hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc và các sản phẩm Dự án 513 theo đúng quy định đang gửi Bộ Nội vụ (Hội đồng cấp nhà nước) thẩm định hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Công tác sáp nhập thôn, tổ dân phố được quan tâm. Hiện nay, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết về chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 -2025 trên địa bàn tỉnh. Lĩnh vực cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được triển khai toàn diện. Năm 2023, các Chỉ số cải cách nền hành chính tỉnh Hưng Yên có kết quả như sau: Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) xếp vị trí thứ 26/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) xếp vị trí thứ 7/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI) xếp vị trí thứ 12/63 tỉnh, thành phố. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, thanh niên, thi đua khen thưởng, văn thư lưu trữ được quan tâm, thực hiện hiệu quả”.

17. Quốc phòng, an ninh, tư pháp, thi hành án dân sự

17.1. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được chỉ đạo và tổ chức thực hiện toàn diện; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tuần tra canh gác, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Công tác huấn luyện, giáo dục quốc phòng an ninh được triển khai theo đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng, an toàn tuyệt đối. Tuyển chọn và giao đủ công dân nhập ngũ năm 2024 đạt 100% chỉ tiêu. Làm tốt công tác chuẩn bị và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ; diễn tập CH-CQ 1 bên, 1 cấp trên bản đồ, diễn tập CH-CQ 1 bên, 2 cấp gắn với động viên QNDB, d3/eBB126 bắn đạn thật; chỉ đạo diễn tập KVPT các huyện Văn Lâm, Phù Cừ, Tp.Hưng Yên; diễn tập QP-AN cho các Sở Giao thông vận tải, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đúng kế hoạch, sát thực tế, đảm bảo an toàn tuyệt đối về người và VKTB. Công tác bảo quản, bảo dưỡng vũ khí trang bị được thực hiện đúng quy định.

17.2. Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ có bước phát triển, đi vào nền nếp với nhiều cách làm mới và đạt nhiều kết quả quan trọng. Đã

khởi tố, điều tra 413 vụ, 985 bị can phạm tội về trật tự xã hội; 78 vụ, 106 bị can phạm tội về kinh tế, tham nhũng; 533 vụ, 655 bị can phạm tội về ma túy; 07 vụ, 13 bị can và xử lý hành chính 690 vụ, việc vi phạm về bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm phạt 5,135 tỷ đồng; xử lý 16.835 trường hợp vi phạm trật tự, an toàn giao thông, phạt 41,2 tỷ đồng (trong đó 600 trường hợp chở quá tải, phạt 2,16 tỷ đồng; 3.278 trường hợp vi phạm nồng độ cồn, phạt 16,55 tỷ đồng); 1.617 trường hợp vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy, phạt 9,462 tỷ đồng. Kết quả trên đã góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, đóng góp tích cực, hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh và của đất nước.

17.3. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở được triển khai hiệu quả. Chất lượng công tác thẩm định, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật được nâng lên rõ rệt. Trong năm HĐND, UBND tỉnh đã ban hành 24 văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL); tiến hành tự kiểm tra và lập phiếu kiểm tra đối với 23/23 Quyết định của UBND tỉnh ban hành; tiến hành kiểm tra theo thẩm quyền đối với 15 văn bản do HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố ban hành; thực hiện rà soát thường xuyên đối với 841 VBQPPL của HĐND, UBND tỉnh, đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới đối với 16 VBQPPL. Cập nhật 24 VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, đảm bảo cập nhật đạt 100% văn bản đã ban hành. Việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về quản lý xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật được quan tâm; các giải pháp cải thiện chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật đi vào thực chất. Chỉ số cải thiện các quy định của pháp luật tiếp tục được đẩy mạnh và đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, con nuôi được quan tâm. Hoạt động lý lịch tư pháp được triển khai nghiêm túc. Quản lý nhà nước về bảo trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được thực hiện đồng bộ, hiệu quả, nhất là với công tác hỗ trợ pháp lý đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh.

17.4. Công tác thi hành án dân sự được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt ngay từ đầu năm, qua đó tạo chuyển biến tích cực, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật. Tổng số việc phải giải quyết là 7.697 việc, với số tiền 4.316,1 tỷ đồng. Đã thực hiện ủy thác thi hành án 98 việc, với số tiền 1.272,1 tỷ đồng; thu hồi 14 việc, với số tiền 16,4 tỷ đồng. Tổng số việc còn phải thi hành là 7.585 việc, với số tiền 3.027,6 tỷ đồng. Trong đó: số có điều kiện thi hành là 6.363 việc, với số tiền 1.026,3 tỷ đồng; số chưa có điều kiện thi hành là 1.147 việc, với số tiền 1.449,4 tỷ đồng; 62 việc hoãn thi hành án, với số tiền 446,6 tỷ đồng; tạm đình chỉ thi hành án 07 việc, với số tiền 7,2 tỷ đồng; trường hợp khác 06 việc, với số tiền 98,1 tỷ đồng. Kết quả đã thi hành xong 5.404 việc, với số tiền 503,6 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 84,93% về việc và 49,07% về tiền (bằng 104,97% về việc, 101,53% về tiền theo kế hoạch năm 2024). Vượt chỉ tiêu Tổng cục Thi hành án dân sự giao 1,28% về việc, 2,32% về tiền.

18. Công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí

18.1. Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng được thực hiện nghiêm túc. Đã tiến hành 225 cuộc thanh tra hành chính, 178 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với 962 tổ chức, cá nhân. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện sai phạm kiến nghị xử lý về kinh tế số tiền 30,4 tỷ đồng (thu hồi nộp ngân sách nhà nước: 2,5 tỷ đồng; kiến nghị giảm lỗ khi quyết toán thuế TNDN và kiến nghị khác: 27,9 tỷ đồng); ban hành 89 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2,5 tỷ đồng; kiến nghị bằng hình thức khác 727,4 triệu đồng. Trong năm có 2.320 lượt với 2.672 công dân đến các cơ quan, đơn vị của tỉnh đề KNTC, tăng 12,11% so với cùng kỳ năm 2023; tiếp nhận trong kỳ 3.864 đơn, tăng 1,58% so với cùng kỳ năm 2023. Có 1.572 đơn đủ điều kiện xử lý gồm: 528 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết (Khiếu nại: 19; tố cáo: 15; kiến nghị, phản ánh: 494); hướng dẫn, chuyên, đôn đốc 1.044 đơn; lưu 2.337 đơn do không đủ điều kiện xử lý. Trong 34 vụ việc KNTC thuộc thẩm quyền, đã giải quyết xong 22 vụ việc (khiếu nại: 11; tố cáo 11), các vụ việc còn lại đang được xác minh, giải quyết.

18.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng được các cấp ủy, chính quyền các địa phương, cơ quan đơn vị coi trọng với hình thức phong phú, đa dạng; Tỷ lệ kê khai tài sản thu nhập năm 2023 đạt 100%; có 54 người kê khai tài sản lần đầu; 1.781 người kê khai hằng năm; 105 người kê khai bổ sung; 51 người kê khai phục vụ công tác cán bộ. Số người được công khai bản kê khai là 1.991 (niêm yết là 1.454 người), có 32 người được xác minh về tài sản thu nhập, kết luận có 26 người có sai sót trong kê khai. Việc chuyển đổi vị trí cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng được thực hiện đúng quy định. Trong kỳ, Công an tỉnh thụ lý, điều tra, khởi tố 18 vụ với 67 bị can (kỳ trước chuyển sang 11 vụ, kỳ này 7 vụ mới) với số tiền gây thiệt hại phát hiện được là 1,44 tỷ đồng, đã thu hồi 0,47 tỷ đồng.

Đánh giá chung: Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn thách thức nhưng tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn đạt được kết quả tích cực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế vượt mục tiêu kế hoạch đề ra; Khu vực công nghiệp tăng trưởng mạnh mẽ, khu vực xây dựng tiếp tục nhảy vọt ấn tượng, thu hút đầu tư đạt được nhiều kết quả tích cực, thu ngân sách vượt dự toán và có tăng trưởng so với cùng kỳ. Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng mạnh, nhiều dự án phát triển kết cấu hạ tầng, khu đô thị, dự án sản xuất kinh doanh lớn, trọng điểm được đẩy nhanh tiến độ đầu tư; giải ngân vốn đầu tư công đạt khá. Các hoạt động quản lý tài nguyên môi trường, khoa học và công nghệ được tăng cường. Các lĩnh vực văn hoá, y tế, giáo dục và chính sách an sinh xã hội đạt nhiều kết quả tích cực, tỷ lệ hộ nghèo giảm. Cải cách hành chính được triển khai sâu rộng. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được triển khai nghiêm túc, hiệu quả. Quốc phòng quân sự địa phương được đảm bảo, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

II. NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, yếu kém

- Khu vực thương mại, dịch vụ tăng trưởng thấp, không đạt kế hoạch đề ra.
- Khu vực nông nghiệp và thủy sản gặp nhiều khó khăn, giá trị sản xuất giảm. Điều kiện chăn nuôi một số cơ sở chưa đảm bảo an toàn sinh học. Ô nhiễm môi trường trong sinh hoạt, công nghiệp, chăn nuôi, thủy sản vẫn diễn biến phức tạp.
- Giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp so với kế hoạch giao; tiến độ công tác chuẩn bị đầu tư và thi công một số dự án đầu tư công còn chậm, nhất là một số dự án hạ tầng giao thông lớn, trọng điểm, làm ảnh hưởng đến kết quả giải ngân chung của toàn tỉnh.
- Vi phạm hành lang an toàn đường bộ còn diễn ra khá phổ biến; công tác xử lý, ngăn chặn các vi phạm hiệu quả thấp, nhất là việc ngăn chặn tái lấn chiếm có hiệu quả không cao.
- Việc xử lý tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã được đánh giá, nghiệm thu còn gặp nhiều khó khăn. Hoạt động của sàn giao dịch thiết bị và công nghệ chưa đạt hiệu quả.
- Công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; dạy nghề, hỗ trợ việc làm cho người nghiện ma túy còn gặp nhiều khó khăn. Chất lượng đào tạo, công tác giải quyết việc làm sau đào tạo tại một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu thị trường lao động. Một số mô hình, dịch vụ công thiết yếu thuộc Đề án 06 còn lúng túng trong triển khai thực hiện do chưa được các bộ, ngành hướng dẫn.
- Các sản phẩm du lịch văn hóa lịch sử, làng nghề rất hạn chế; chưa phát huy được các giá trị văn hóa, thiết chế văn hóa, các di tích lịch sử vào phát triển du lịch. Việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch trên địa bàn tỉnh còn chậm.

2. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

- Một số quy định về chuyển đổi đất trồng lúa, đánh giá tác động môi trường còn phức tạp, việc đền bù, giải phóng mặt bằng bàn giao đất cho các chủ đầu tư của một số dự án còn khó khăn.
- Quy mô, năng lực, sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn hạn chế. Thị trường bất động sản chưa hồi phục như kì vọng, doanh nghiệp điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, khiến doanh thu kinh doanh bất động sản giảm.
- Khu vực nông nghiệp chịu ảnh hưởng nhiều bởi thời tiết, đặc biệt siêu bão Yagi dẫn tới giảm tăng trưởng. Giá vật tư đầu vào (giống, phân bón, thức ăn, thuốc...) tuy có giảm nhưng vẫn còn ở mức cao gây khó khăn cho người sản xuất. Nhận thức của người dân về ô nhiễm môi trường chưa cao.
- Thủ tục đầu tư dự án còn phức tạp, mất nhiều thời gian; chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư của một số chủ đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu; một số dự án phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư dẫn đến chậm hoàn thiện thủ tục đầu tư, chậm đấu thầu, thi công và giải ngân vốn.

- Nguyên nhân của hạn chế trong xử lý vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ là do: chính quyền địa phương và các đơn vị chức năng chưa có sự phối hợp hiệu quả. Lực lượng thanh tra giao thông hiện nay còn mỏng và thiếu thẩm quyền cưỡng chế. Quá trình thu hồi, đền bù đất vi phạm còn phát sinh nhiều khó khăn khó dự báo.

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công chưa hoàn thiện, vướng mắc trong việc xem xét, phân loại tài sản đối với kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Hiện nay chưa có đơn vị sự nghiệp công lập hay tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; chưa có chính sách dạy nghề, tạo việc làm chuyên biệt, phù hợp với người nghiện, người sau cai nghiện ma túy và nạn nhân bị mua bán trở về. Quy mô Cơ sở Điều trị nghiện ma túy tỉnh chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của đối tượng; một số hạng mục cơ sở vật chất tại Cơ sở đã xuống cấp, ảnh hưởng đến hoạt động quản lý, chăm sóc đối tượng. Một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa thực hiện tốt hoạt động gắn kết với doanh nghiệp trong tổ chức đào tạo và giải quyết việc làm. Một số mô hình, dịch vụ công thiết yếu thuộc Đề án 06 còn lúng túng trong triển khai thực hiện do chưa được các bộ, ngành hướng dẫn.

- Sự phối hợp giữa các ngành trong công tác quản lý nhà nước về du lịch còn thiếu chặt chẽ và chưa đồng bộ. Chưa có cơ chế ưu đãi để thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, nhất là về vốn để xây dựng các cơ sở hạ tầng du lịch tạo ra những điểm đến hấp dẫn du khách. Hạ tầng du lịch còn hạn chế, sản phẩm đơn điệu, di sản văn hóa chưa được gắn kết hiệu quả với phát triển du lịch, làm giảm sức cạnh tranh của ngành.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN

KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025

Năm 2025 là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Dự báo bên cạnh những điều kiện thuận lợi, môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện, hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng tạo ra động lực thúc đẩy đầu tư, phát triển sản xuất và thương mại, thì còn tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức. Các vấn đề mang tính toàn cầu như dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, khan hiếm các nguồn nguyên vật liệu, xung đột ở một số khu vực trên thế giới chưa có hồi kết, tác động mạnh và đa chiều đến sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta. Trong nước, tình hình khó khăn trong sản xuất kinh doanh chưa được giải quyết triệt để, sức mua trên thị trường tăng thấp; khả năng tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp chưa được cải thiện nhiều, là những yếu tố ảnh hưởng bất lợi đến việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tích cực đổi mới, sáng tạo, đẩy mạnh phát triển toàn diện, nhanh và bền vững; bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân và giảm nghèo; bảo vệ môi trường sinh thái. Tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh thu hút đầu tư phù hợp với quy hoạch. Đẩy mạnh đổi mới, tập trung tháo gỡ các nút thắt, khó khăn, vướng mắc và ban hành các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi thu hút đầu tư tư nhân và đầu tư nước ngoài cùng với tăng cường vai trò dẫn dắt của đầu tư công, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng suất lao động. Tiếp tục sắp xếp, hoàn thiện bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục, khoa học công nghệ. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên và các nguồn lực. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Bảo đảm quốc phòng, quân sự địa phương và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Về kinh tế

- (1) Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh theo giá so sánh (GRDP) tăng 8%;
- (2) Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 10%. Giá trị sản xuất: Công nghiệp và xây dựng tăng 11% (trong đó công nghiệp tăng 10%; xây dựng tăng: 15,1%); thương mại, dịch vụ tăng 3%; nông nghiệp, thủy sản tăng 5,5%).
- (3) Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp, xây dựng 63,5% - dịch vụ 24,4% - thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 6,1% - nông nghiệp, thủy sản 6,0%.
- (4) GRDP bình quân đầu người 131,4 triệu đồng.
- (5) Tổng mức doanh thu bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 115.000 tỷ đồng; Kim ngạch xuất khẩu 8.500 triệu USD.
- (6) Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 78.855 tỷ đồng.
- (7) Thu ngân sách trên địa bàn 44.923 tỷ đồng, trong đó: Thu nội địa 40.623 tỷ đồng (*trong đó thu tiền sử dụng đất 27.500 tỷ đồng; thu từ xổ số kiến thiết 23 tỷ đồng*); thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 4.300 tỷ đồng.
- (8) Giá trị sản phẩm trên 1ha đất trồng trọt và mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt 250 triệu đồng.

2.2. Về xã hội

- (9) Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia 94,2%; tỷ lệ phòng học kiên cố 99%; số học sinh phổ thông bình quân một lớp cấp tiểu học là 35 học sinh, cấp trung học là 43 học sinh.
- (10) Duy trì tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới 1%; tuổi thọ trung bình trên 75 tuổi; tỷ số giới tính khi sinh ở mức 118 bé trai/100 bé gái.
- (11) Tạo việc làm mới cho 2,45 vạn lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 71%; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35%.

(12) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 96%; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 50%.

(13) Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 100% theo chuẩn mới; có 10 bác sĩ và 33 giường bệnh/1 vạn dân.

(14) Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,35%.

(15) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung 100%; Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch 100%.

(16) Phân đầu 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có thêm 10-15 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 01 huyện nông thôn mới nâng cao.

(17) Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa 92,3%; Tỷ lệ cơ quan, đơn vị văn hoá trên 91%; tỷ lệ làng văn hóa, tổ dân phố văn hóa đạt 90,6%;

(18) Số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên: đạt 37%; Số gia đình tập luyện thể dục thể thao: đạt 31%; Số huy chương tại các giải quốc gia: 126 huy chương các loại.

(19) Phân đầu đón khoảng 2,3 triệu lượt khách du lịch.

2.3. Về môi trường, đô thị

(20) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý 100%. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị 95%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn 90%. Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường 100%. Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường 100%; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

(21) Tỷ lệ đô thị hóa đạt 48%. Thành phố Hưng Yên đạt đô thị loại II; Thị xã Mỹ Hào đạt đô thị loại III và cơ bản đạt tiêu chí thành phố; phân đầu huyện Văn Giang, Văn Lâm đạt tiêu chí đô thị loại III, khu vực đô thị trung tâm các huyện Yên Mỹ, Khoái Châu đạt tiêu chí đô thị loại IV.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Kết luận số 97-KL/TW ngày 05/10/2024 của Hội nghị Trung ương 10 khóa XIII về kinh tế - xã hội năm 2025 và Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Đại hội XIX của Đảng bộ tỉnh, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước, đầu tư công, trong đó tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

1. Tổ chức quán triệt kịp thời và triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nghị quyết, kết luận, chỉ đạo của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và Tỉnh ủy về kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước và đầu tư công năm 2024; nhất là Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và các nghị quyết, kết luận, chỉ thị

của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kinh tế - xã hội, nhất là Kết luận số 685-KL/TU ngày 30/6/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị đến cuối nhiệm kỳ 2020 - 2025.

2. Khẩn trương cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 06/10/2024, đồng thời sớm hoàn thành phê duyệt cập nhật, điều chỉnh các quy hoạch chung xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử đất và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; xây dựng, ban hành, thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội, huy động nguồn lực thực hiện Quy hoạch tỉnh, nhất là các chương trình, dự án trọng điểm, có tính chất động lực, ưu tiên triển khai đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh.

3. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và hoạt động của bộ máy chính quyền từ tỉnh đến cơ sở; rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành và thực hiện có hiệu quả hệ thống chính sách, quy định quản lý của tỉnh, nhất là trong lĩnh vực quản lý đất đai, xây dựng, giao thông, bất động sản, bảo vệ môi trường, tài chính, ngân sách nhà nước, tài sản công, đầu tư, đầu tư công theo hướng cải cách thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền triệt để, xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là người đứng đầu đi đôi với tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và kiểm tra, giám sát. Ưu tiên ban hành các chính sách, quy định mà theo quy định của pháp luật phân quyền cho tỉnh, nhất là Luật Đất đai, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Nhà ở,... Tăng cường phối hợp công tác giữa các cơ quan, đơn vị, các cấp, các ngành. Phát hiện, khắc phục triệt để, xử lý nghiêm tình trạng buông lỏng lãnh đạo, quản lý, thiếu trách nhiệm, đùn đẩy, né tránh, không dám làm, trì trệ trong công tác.

4. Chủ động tổng kết, đánh giá việc thực hiện chủ trương tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả¹ và đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập² để xây dựng, triển khai kế hoạch sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở theo định hướng, chủ trương của Trung ương và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh (sáp nhập các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng, vừa giảm số lượng đầu mối, vừa giảm đơn vị, bộ phận trực thuộc bên trong cơ quan, tổ chức) gắn với tinh giảm biên chế, sắp xếp, bố trí sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức với tinh thần khẩn trương, quyết liệt, đồng bộ, triệt để nhất.

Đẩy mạnh cải cách hành chính theo Chỉ thị số 28-CT/TU ngày 10/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đổi mới lề lối, tác phong làm việc, nâng cao trách nhiệm thực thi nhiệm vụ, thái độ phục vụ và đạo đức, lối sống của đảng viên, cán

¹ Kế hoạch số 208-KH/TU ngày 07/7/2023 của Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW giai đoạn 2023-2026.

² Kế hoạch số 209-KH/TU ngày 07/7/2023 của Tỉnh ủy về tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW đến năm 2026.

bộ, công chức, viên chức theo Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 17/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước gắn với triển khai có hiệu quả Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến và triển khai cung cấp dịch công trực tuyến cấp độ 4 thực chất, hiệu quả; triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông gắn với rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính. Phấn đấu Chỉ số cải cách hành chính tỉnh nằm trong Top 10 tỉnh/thành phố. Khẩn trương hoàn thành đồng bộ nội dung của Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

Tiếp tục sắp xếp, bố trí, điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ của cán bộ, công chức, viên chức sau đại hội đảng bộ các cấp; điều chuyển, thay thế, miễn nhiệm, cho từ chức, xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức hạn chế về năng lực, phẩm chất, đạo đức, vi phạm pháp luật, tham nhũng, tiêu cực, nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp theo quy định.

5. Tiếp tục cải thiện vững chắc môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công theo Kết luận số 223-KL/TU ngày 24/6/2021 và Kết luận số 690-KL/TU ngày 21/7/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Kịp thời phát hiện và xử lý khó khăn, vướng mắc của người dân và doanh nghiệp. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, quảng bá tiềm năng, cơ hội đầu tư kinh doanh, xây dựng thương hiệu, hình ảnh của tỉnh ở trong nước, quốc tế.

Tạo đột phá trong thu hút vốn đầu tư khu vực tư nhân và vốn FDI. Rà soát, sàng lọc và có cơ chế ưu tiên thu hút các dự án đầu tư lớn, các dự án sử dụng công nghệ cao, an toàn môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên, đất đai trong các ngành, lĩnh vực, nhất là công nghiệp cơ khí, chế biến, chế tạo, sản xuất chất bán dẫn, thiết bị lưu trữ năng lượng, máy tính, điện tử, viễn thông, thiết bị hàng không, sản xuất ô tô và linh kiện, thiết bị y tế, dược phẩm... Tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp để thu hút các dự án đầu tư, tăng nhanh tỷ lệ lấp đầy trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đủ điều kiện. Bảo đảm cung cấp đủ điện, nước và lao động cho các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

6. Dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2025, kế hoạch tài chính 5 năm của tỉnh, kế hoạch đầu tư công năm 2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh; phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; chế độ, chính sách chi ngân sách nhà nước, bảo đảm đủ nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ chi và các chế độ, chính sách do Trung ương, Tỉnh đã ban hành. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bền vững, an toàn, ổn định và không ngừng mở rộng nguồn thu; thực hiện nghiêm túc chủ trương tiết kiệm chi thường xuyên, nâng

cao hiệu quả chi, chi theo đúng đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, chế độ và quy định của pháp luật. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước.

- Tập trung khai thác tốt các nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào ngân sách nhà nước. Dự toán thu ngân sách nhà nước tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu; phân tích, đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2025 theo từng địa bàn, lĩnh vực thu, khoản thu, sắc thuế. Căn cứ tỷ lệ phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định để xác định dự toán thu ngân sách được hưởng năm 2025 của ngân sách từng cấp chính quyền địa phương.

+ Nỗ lực triển khai các giải pháp tăng thu ngân sách nhà nước ít nhất 5% so với mức thực hiện năm 2024, nhất là thu nội địa (trừ thu tiền sử dụng đất, thu xổ số) đạt mức Nghị quyết Đại hội XIX của Đảng bộ tỉnh đề ra (14.500 tỷ đồng).

+ Đẩy mạnh đổi mới và nâng cao hiệu quả bộ máy cơ quan thuế; tăng cường cải cách hành chính thuế, hải quan; nâng cao năng lực, trình độ đạo đức, trách nhiệm và liêm chính của cán bộ thuế, hải quan đi đôi với tăng cường phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trong lĩnh vực thuế, hải quan.

+ Tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý thu, đôn đốc thu hồi các khoản thuế và nghĩa vụ tài chính được giãn, gia hạn nộp thuế theo quy định, nhất là các khoản thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

+ Tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, nhất là trong kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản; quản lý có hiệu quả các nguồn thu trong kinh tế số, giao dịch điện tử; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thuế, quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế; ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn thuế; đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản để thu các khoản phí, lệ phí liên quan đến chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản. Tiếp tục triển khai rộng rãi gắn với quản lý chặt chẽ hóa đơn điện tử. Tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ các đơn vị có nợ thuế, các khoản nợ ngân sách và cưỡng chế thu hồi nợ thuế, các các nghĩa vụ ngân sách. Nâng cao chất lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra thuế tại các cơ sở sản xuất kinh doanh; rà soát, thống kê và thực hiện chính sách thuế đầy đủ đối với các hộ kinh doanh theo pháp luật.

+ Tính toán, dự toán, thực hiện thu đầy đủ các khoản thu từ sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất), thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước theo đúng quy định của pháp luật.

- Xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước trên cơ sở nguồn thu được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên; bám sát vào mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của địa phương; ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành.

+ Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết, bố trí toàn bộ cho chi đầu tư phát triển; trong đó, ưu tiên đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, lĩnh vực y tế; phần còn lại ưu tiên bố trí thực hiện các nhiệm vụ đầu tư phát triển quan trọng, cấp bách khác thuộc đối tượng đầu tư.

+ Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 đảm bảo các quy định của pháp luật; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách và các nhiệm vụ chi. Tăng cường nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hành tiết kiệm chống lãng phí; thực hiện phân bổ trước ngày 31/12/2024, hạn chế tối đa việc hủy dự toán và chuyển nguồn sang năm sau. Chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lắp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2025. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành.

+ Về chi đầu tư phát triển: Tập trung cơ cấu lại đầu tư công theo hướng ưu tiên chi cho triển khai thực hiện 3 đột phá chiến lược và thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết Đại hội XIX của Đảng bộ tỉnh; bảo đảm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm cơ cấu đầu tư hài hòa, hợp lý, hiệu quả giữa các vùng, miền, lĩnh vực, vừa gia tăng động lực tăng trưởng, vừa bảo đảm an sinh xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh đất nước.

- Kế hoạch đầu tư công năm 2025 bố trí cho các nhiệm vụ, dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng nhiệm vụ, dự án, bảo đảm phân bổ, giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án trước ngày 31/12/2024; khắc phục tình trạng phân bổ vốn manh mún, dàn trải, kém hiệu quả, giao vốn nhưng không phân bổ hết nguồn vốn được giao, đảm bảo tiến độ phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án theo đúng quy định.

- Bố trí vốn theo đúng nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025. Cụ thể:

+ Bố trí đủ vốn để thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước theo quy định của pháp luật;

+ Bố trí đủ vốn để hoàn trả cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Bố trí đủ vốn từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2021, 2022, 2023 cho các nhiệm vụ, dự án được cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng nguồn vốn này;

+ Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2025, các dự án hoàn thành năm 2025, vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Bố trí vốn cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ cấp bù lãi suất, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;

+ Bố trí vốn theo tiến độ cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, dự án kết nối, có tác động lan tỏa, liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư.

- Đối với các khoản chi thực hiện các nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản, thiết bị máy móc thực hiện theo đúng Nghị định số 138/2024/NĐ-CP của Chính phủ, quy định của pháp luật và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Các nhiệm vụ chi đầu tư từ nguồn xử lý, sắp xếp nhà đất phải được lập dự toán, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định, bảo đảm các nguyên tắc, tiêu chí đầu tư.

- Đẩy mạnh sắp xếp bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII gắn với thực hiện hiệu quả lộ trình tinh giản biên chế theo Kết luận số 28-KL/TW và Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị; đảm bảo thực hiện nghiêm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, kiên quyết cắt giảm các khoản chi thường xuyên không thực sự cần thiết, cấp bách.

- Đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, xây dựng dự toán chi đối với đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở định hướng tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII và các văn bản pháp luật, văn bản hướng dẫn về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đẩy mạnh thực hiện lộ trình nâng cao mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí đối với các dịch vụ sự nghiệp công có sử dụng ngân sách nhà nước; tính đúng, tính đủ chi phí hợp lý và giá các dịch vụ thiết yếu, thực hiện điều chỉnh giá các dịch vụ công theo giá thị trường; giảm chi cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo lộ trình kế hoạch; có lộ trình thực hiện giá thị trường đối với dịch vụ giáo dục, y tế,...

- Đối với các cơ quan, đơn vị đang áp dụng cơ chế tài chính đặc thù: Từ năm ngân sách 2025, các cơ quan, đơn vị quản lý hành chính nhà nước không còn được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù về tiền lương, phụ cấp, thu nhập và kinh phí thường xuyên.

- Đối với dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ, các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác phải được lập, tổng hợp dự toán theo quy định của pháp luật.

- Phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải đảm bảo khớp đúng dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Tài chính hướng dẫn, Hội đồng nhân dân quyết định. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới đảm bảo nguyên tắc triệt để tiết kiệm, đúng quy định về thời gian, đúng tiêu chí, định mức chi ngân sách và đúng mục tiêu, nội dung của từng nhiệm vụ, chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền giao.

- Bảo đảm bố trí nguồn đầy đủ cho thực hiện các nhiệm vụ chính trị của các địa phương, cơ quan, đơn vị và đủ dự phòng ngân sách các cấp theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. Bố trí kinh phí để thực hiện các chính sách, chế độ đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; trong đó xác định cụ thể các tác động tăng, giảm quỹ lương và chi hoạt động bộ máy năm 2025. Không xây dựng dự toán chi thường xuyên hỗ trợ cho các dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành lộ trình giá, phí hoặc dự kiến hoàn thành trong năm 2025.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền quản lý, sử dụng tài sản công gắn với việc đảm bảo trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch và tăng cường giám sát, sử dụng tài sản công hiệu quả, đúng pháp luật. Hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý trụ sở (nhà, đất), tài sản công sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật, nhất là Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, Công văn số 8006/BTC-NSNN ngày 31/7/2023 của Bộ Tài chính.

Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công, số thu từ cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ các chi phí có liên quan) phải được lập dự toán đầy đủ và thực hiện nộp ngân sách nhà nước theo đúng quy định.

- Tăng cường quản lý, thanh tra, giám sát và rà soát, sửa đổi, hoàn thiện các cơ chế, chính sách quản lý đối với các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước; bảo đảm an toàn, hiệu quả tài sản, vốn của Nhà nước tại các quỹ này.

- Rà soát, kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị, điều hành của các doanh nghiệp nhà nước và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; lựa chọn, quản lý, giám sát chặt chẽ người đại diện phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp; rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định quản lý đối với các doanh nghiệp nhà nước, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và người đại diện vốn. Khẩn trương xây dựng, triển khai phương án đổi mới, cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, phương án cổ phần

hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp để bảo đảm an toàn, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản của nhà nước tại doanh nghiệp. Khẩn trương có giải pháp khắc phục tình trạng hoạt động kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài, mất vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp.

- Thường xuyên kiểm tra, thanh tra việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách, quy định về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước ở các đơn vị, ngân sách cấp dưới. Kiểm soát chặt chẽ và thanh, quyết toán, thu hồi đầy đủ, kịp thời vốn ngân sách tạm ứng theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí. Kịp thời xử lý các sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và thực hiện chế độ trách nhiệm đối với thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách khi để xảy ra thất thoát, lãng phí, sử dụng ngân sách không đúng chế độ, chính sách, quy định.

7.Quán triệt, thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ban Thường vụ tỉnh ủy về đầu tư công³. Xác định đầu tư công là nguồn lực, động lực tăng trưởng quan trọng, dẫn dắt, lôi kéo đầu tư tư nhân để tạo đột phá về tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2025. Phân đấu hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch đầu tư công năm 2025, đồng thời có biện pháp hỗ trợ vừa thu hút các dự án đầu tư tư nhân, FDI mới và tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đã có giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chủ trương đầu tư được triển khai nhanh.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông trọng điểm, quan trọng của tỉnh, có tính liên vùng (nhất là đường vành đai 4; đường vành đai 3,5; đường kết di sản văn hóa, du lịch phát triển kinh tế dọc sông Hồng; đường Tân Phúc - Võng Phan; đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên; khu hành chính tập trung tỉnh Hưng Yên; khu liên hiệp thể thao tỉnh Hưng Yên,...) và hạ tầng đô thị lớn, hạ tầng số, hạ tầng thương mại điện tử, hạ tầng công nghiệp, nông nghiệp, nông thôn, thủy lợi, y tế, giáo dục, đào tạo, văn hoá, thể thao... Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư lớn bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, nhất là dự án xây dựng và phục dựng Phố Hiến cổ; dự án khu hồ An Vũ 2,3; dự án khu đô thị, sinh thái nghỉ dưỡng Phù Cừ; các dự án thể thao, vui chơi giải trí, sân golf khu vực vùng bãi ven sông Hồng, phía Bắc thành phố Hưng Yên,....

- Thực hiện nghiêm quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan trong quản lý đầu tư. Kế hoạch đầu tư công năm 2025 và phương án phân bổ vốn đầu tư công năm 2025 phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển thực tế, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh. Phân bổ vốn đầu tư tập trung, không dàn trải, phân tán nguồn lực; rà soát, đưa ra khỏi Kế hoạch đầu tư công những dự án không thực sự cần thiết, hiệu quả thấp. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên đầu tư

³Chỉ thị số 44-CT/TU ngày 15/3/2023, Kết luận số 741-KL/TU ngày 12/3/2024, công văn số 2642-CV/TU ngày 2/5/2024, công văn số 2726-CV/TU ngày 19/6/2024.

các công trình, dự án lớn, quan trọng, trọng điểm của tỉnh, địa phương, nhất là các dự án giao thông có tính liên kết vùng, tác động lan tỏa, tạo đột phá quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Bảo đảm tiến độ phân bổ, giao kế hoạch vốn chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án; bố trí vốn dự phòng cho các dự án đầu tư phải điều chỉnh tổng mức đầu tư do các nguyên nhân khách quan để bảo đảm tiến độ hoàn thành dự án. Chỉ giao kế hoạch vốn đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư công và quy định của pháp luật có liên quan. Thực hiện phân bổ, giao vốn chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án đầu tư **trước ngày 31/12/2024**. Làm tốt công tác chuẩn bị dự án đầu tư; trước mắt, cần tập trung đẩy nhanh hoàn thành các thủ tục đầu tư các dự án chưa có quyết định chủ trương đầu tư, quyết định dự án đầu tư để đủ điều kiện phân bổ vốn. Không để xảy ra tình trạng vốn chờ dự án, dự án chờ mặt bằng sạch. Rà soát, kiên quyết xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản đối với các dự án đầu tư công ở cấp huyện, cấp xã trước **ngày 30/6/2025**.

- Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong phát hiện, xử lý kịp thời khó khăn, vướng mắc phát sinh (quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường,...) để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, triển khai dự án và giải ngân vốn đầu tư công, nhất là các dự án lớn, trọng điểm của tỉnh và các địa phương. Chủ động xây dựng, thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo quy định của pháp luật; bảo đảm công khai, minh bạch, hài hoà lợi ích của Nhà nước, người có đất bị thu hồi và nhà đầu tư. Chủ động đi trước một bước quy hoạch, bố trí vị trí, xây dựng các khu nghỉ trang; khu tái định cư có hạ tầng kinh tế, xã hội, kỹ thuật đồng bộ để hộ gia đình, người có đất bị thu hồi sớm ổn định cuộc sống và sinh kế, đồng thời chỗ ở mới có điều kiện không kém nơi ở cũ.

- Bố trí đủ vốn, đẩy nhanh tiến độ triển khai và sớm hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình, dự án đầu tư công, nhất là các dự án cơ bản hoàn thành, dự án chậm tiến độ, dự án chuyển tiếp; yêu cầu chủ đầu tư, nhà thầu ký cam kết về tiến độ và bảo đảm chất lượng công trình, dự án, nhất là các dự án giao thông, xây dựng, dự án xây dựng nông thôn mới. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện, kịp thời điều chỉnh kế hoạch vốn của các dự án chậm triển khai sang các dự án có tiến độ triển khai nhanh. Kiên quyết xử lý dứt điểm các dự án đầu tư công chậm tiến độ, thi công kéo dài. Kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô, tổng mức đầu tư của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực và quy định của pháp luật.

- Lựa chọn nhà thầu, đơn vị chủ đầu tư có năng lực triển khai dự án tốt theo quy định của pháp luật. Quá trình đấu thầu, lựa chọn nhà thầu phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và có tính cạnh tranh cao; tăng mức tiết kiệm cho ngân sách qua đấu thầu, lựa chọn nhà thầu. Bảo đảm đấu thầu minh bạch, đúng pháp luật; phòng, chống các vi phạm, tiêu cực trong hoạt động đầu tư công và đấu thầu, mua sắm tài sản công; trường hợp áp dụng phương thức đấu thầu thì chủ yếu áp dụng phương thức đấu thầu qua mạng.

- Quản lý chặt chẽ và thanh, quyết toán, thu hồi đầy đủ, kịp thời vốn tạm ứng ngân sách cho các dự án đầu tư; tránh tạm ứng vốn để giải ngân nhanh vốn đầu tư không thực chất, sử dụng vốn tạm ứng trái quy định, gây lãng phí, kém hiệu quả trong sử dụng vốn đầu tư công. Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, thanh toán ngay với Kho bạc Nhà nước khi có khối lượng nghiệm thu, không để dồn thanh toán vào cuối năm và không gây nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Thực hiện đánh giá hiệu quả dự án sau khi hoàn thành, đưa vào khai thác. Kết thúc dự án đã hoàn thành, kịp thời bàn giao, đưa công trình, dự án vào khai thác, sử dụng; thực hiện quyết toán hợp đồng, quyết toán vốn đầu tư và dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật.

- Các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch tiến độ triển khai và giải ngân theo từng tháng, quý cho từng công trình, dự án; phân công lãnh đạo phụ trách chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện và giải ngân dự án theo kế hoạch đề ra. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công. Tăng cường các biện pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thất thoát, lãng phí, kém hiệu quả trong đầu tư công, nhất là phòng, chống lợi ích nhóm, tiêu cực, tham nhũng, vi phạm pháp luật trong đấu thầu. Tăng cường quản lý, kiểm tra, thanh tra, giám sát về chất lượng công trình, đảm bảo tiến độ, hiệu quả các dự án đầu tư công.

8. Tiếp tục thực hiện quyết liệt công tác giải phóng mặt bằng phục vụ triển khai các dự án đầu tư theo Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 08/11/2021 và Kết luận số 740-KL/TU ngày 12/3/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; chủ động, kịp thời có biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong giải phóng mặt bằng, nhất là đối với công trình, dự án trọng điểm của tỉnh, quốc gia trên địa bàn tỉnh. Cấp ủy, chính quyền, đơn vị chủ đầu tư, nhất là người đứng đầu chịu trách nhiệm khi để xảy ra chậm trễ, ách tắc trong giải phóng mặt bằng, dẫn đến chậm tiến độ triển khai các dự án đầu tư công, các dự án khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị mới, khu dân cư. Chính quyền địa phương phải có kế hoạch cụ thể triển khai thu hồi đất, giải phóng mặt bằng đối với từng dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc diện Nhà nước thu hồi với lộ trình, nhiệm vụ, giải pháp, phân công cụ thể cho các đơn vị, cá nhân.

9. Tăng cường triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp⁴, trọng tâm là rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, phát triển thị trường tiêu thụ, xuất khẩu; phát triển thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh mới, hiệu quả; đảm bảo cân đối cung, cầu hàng hoá, nhất là các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất, tiêu dùng của nhân dân; không để xảy ra thiếu nguồn cung xăng dầu, khan hiếm hàng hoá, thao túng, lũng đoạn thị trường, nhất là trong các dịp lễ, tết, hoặc trong các tình huống có thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh. Tổ chức tốt các

⁴theo Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 16/6/2021 của Tỉnh ủy về Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Kết luận số 683-KL/TU ngày 30/6/2023 của Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU

hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế và các hiệp định thương mại tự do, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

Triển khai xây dựng nhanh các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo quy hoạch và thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp. Phấn đấu trong năm 2025 có thêm 05 khu công nghiệp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư; hoàn thành giải phóng mặt bằng 100% diện tích đất các khu công nghiệp đã được cấp chủ trương đầu tư đến cuối năm 2024 và san lấp, xây dựng hạ tầng kỹ thuật đối với hầu hết diện tích được giải phóng mặt bằng, bàn giao cho chủ đầu tư khu công nghiệp; phấn đấu đạt trên 24 cụm công nghiệp đã có quyết định thành lập thực hiện giải phóng được 300-500 ha, thực hiện san lấp, xây dựng hạ tầng kỹ thuật trên 200 ha.

10. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá và nâng cao tỷ lệ đô thị hoá. Đẩy nhanh tiến độ các dự án khu đô thị mới, nhà ở, khu dân cư, nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động theo chủ trương của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ⁵, Quy hoạch tỉnh. Tăng cường quản lý quy hoạch, xây dựng, đô thị, nhà ở, thị trường bất động sản và hạ tầng kỹ thuật, nhà ở. Tổ chức lập quy hoạch chung đô thị Hưng Yên (trên phạm vi địa giới hành chính toàn tỉnh) theo tiêu chí đô thị loại I; xây dựng, trình cấp có thẩm quyền Đề án xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Các huyện, thị xã, thành phố tổ chức lập, trình phê duyệt quy hoạch chung đô thị theo định hướng tại Quy hoạch tỉnh. Lập điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hưng Yên. Diện tích nhà ở bình quân đầu người toàn tỉnh đạt 29,15 m² sàn/người. Chất lượng nhà ở toàn tỉnh đạt mức cao với tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố chiếm 100% tổng số nhà ở. Hoàn thành chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát cho người có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng khác trong năm 2025 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

11. Khẩn trương thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh, việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10ha sang các mục đích khác; phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của các huyện, thị xã, thành phố. Tích cực chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các quy định của Luật Đất đai 2024. Thực hiện điều chỉnh bảng giá đất phù hợp với thực tiễn, sát với giá thị trường và xây dựng Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Đất đai áp dụng từ 01/01/2026. Tích cực triển khai thực hiện Dự án xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Hưng Yên.

12. Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, đất đai. Đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai; tăng cường công tác cấp lần đầu, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch; phát hiện, xử lý

⁵Nghị quyết số 29-NQ/TU ngày 05/7/2022 của Tỉnh uỷ về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kết luận số 713-KL/TU ngày 23/10/2023 của Tỉnh uỷ về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TU; Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về Đề án phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân, người lao động trong và ngoài khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

nghiêm vi phạm pháp luật về đất đai, nhất là sử dụng lãng phí, sai mục đích, không đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, lấn chiếm đất công. Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng cát, vật liệu xây dựng để hỗ trợ cho triển khai các dự án xây dựng trên địa bàn tỉnh. Tăng cường phối hợp với các địa phương bảo đảm nguồn cung vật liệu xây dựng cho các dự án lớn, trọng điểm của tỉnh.

Tập trung đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung ở khu dân cư cả khu vực đô thị và nông thôn; đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư xử lý rác thải đã có chủ trương đầu tư và tiếp tục mở rộng, nâng công suất các dự án xử lý rác thải; khắc phục tình trạng xả rác bừa bãi ra môi trường; thu gom triệt để rác thải về nơi tập kết, xử lý tập trung. Tổ chức tốt việc thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải hàng ngày. Xây dựng, triển khai quyết liệt các phương án và bố trí nguồn lực xử lý dứt điểm các “điểm nóng” ô nhiễm môi trường (hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải, làng nghề tái chế nhựa Minh Khai, làng nghề tái chế chì Đông Mai,...); tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Tiếp tục triển khai, nhân rộng phân loại rác tại nguồn; phân loại rác thải kết hợp với xử lý rác hữu cơ làm phân vi sinh tại hội gia đình; các Đề án xử lý rác thải được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Làm tốt công tác thẩm định, đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư, cấp giấy phép môi trường, kiên quyết từ chối tiếp nhận các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả chủ trương, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu⁶.

13. Rà soát, bổ sung điều chỉnh cơ chế chính sách, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh thực hiện đồng bộ, hiệu quả cơ cấu lại và phát triển ngành nông nghiệp, thủy sản nhanh, bền vững, hiệu quả cao gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu bền vững, thực chất, trọng tâm là phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh, quy mô lớn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch; liên kết sản xuất nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ và bảo quản, chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị; đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; chuyển đổi cơ cấu đất nông nghiệp, cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất trồng trọt, nuôi trồng thủy sản; tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ hiện đại, cơ giới hoá, tự động hoá; triển khai áp dụng các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, phương pháp sản xuất an toàn trong ngành nông nghiệp; khuyến khích

⁶Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy về Chương trình bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kết luận số 717-KL/TU ngày 23/10/2023 của Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU; Kết luận số 660-KL/TU ngày 24/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 21/3/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường quản lý, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh và Thông báo số 1321-TB/TU ngày 20/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp; mở rộng diện tích sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VIETGAP; phát triển các sản phẩm OCOP. Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, quảng bá các nông sản của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng, giới thiệu các mô hình sản xuất hiệu quả, tích cực thâm nhập thị trường mới trong và ngoài nước cho các nông sản có lợi thế, thế mạnh của tỉnh; tăng cường dán tem truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý các nông sản, thực phẩm; đẩy mạnh quảng bá, giới thiệu, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu nông sản. Năm 2025 phấn đấu giá trị sản xuất đạt 250 triệu đồng trên 1 ha đất trồng trọt, mặt nước nuôi trồng thủy sản.

Quan tâm đầu tư đồng bộ hệ thống thủy lợi và tăng cường bảo vệ đê điều, công trình thủy lợi; tăng cường khả năng phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp; tiếp tục quan tâm đầu tư, nâng cấp, cải tạo và nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thủy lợi, cơ sở hạ tầng nội đồng; bảo đảm phòng, chống hiệu quả úng ngập và cung cấp nước, tiêu thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ưu tiên bố trí đủ vốn cho đầu tư, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi, trạm bơm, hệ thống tiêu thoát nước.

Rà soát, hoàn thiện quy hoạch, phân bổ hợp lý các cơ sở khai thác, sản xuất, phân phối nước sạch; các cơ chế, chính sách quản lý về đầu tư, khai thác, sản xuất, phân phối, sử dụng nước sạch phù hợp với nhu cầu thực tế; chống độc quyền, cạnh tranh không lành mạnh trong khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch; bảo đảm đầy đủ nước đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn để cung cấp cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp, nhất là các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Sắp xếp, cơ cấu lại, hoàn thiện hệ thống các cơ sở khai thác, sản xuất, cung cấp và hạ tầng phân phối nước sạch theo hướng kết nối liên thông và thu hẹp đầu mối, tăng quy mô, công suất. Đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch; hạn chế, tiến tới chấm dứt sản xuất nước sạch từ nguồn nước ngầm. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác tài sản, kết cấu hạ tầng nước sạch; xử lý dứt điểm các nhà máy, hạ tầng cấp nước sử dụng nguồn vốn chương trình Propp, chương trình NTP; không để xảy ra thất thoát vốn, tài sản của Nhà nước.

Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả chủ trương của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; nâng cao hiệu quả hệ thống thủy lợi và cấp nước sạch⁷.

14. Tăng cường phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí ở cả khu vực công và khu vực ngoài nhà nước. Rà soát, thống kê, thanh tra, kiểm tra, tăng cường quản lý chặt chẽ đất đai, nhất là đất công ích, tài sản công giao cho các tập thể, cá nhân sử dụng. Kiên quyết thu hồi đất đai, tài sản nhà nước bị chiếm dụng, sử dụng trái phép. Tăng cường quản lý, rà soát, sắp xếp, sử dụng, xử lý có hiệu quả các cơ

⁷Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy về Chương trình thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kết luận số 718-KL/TU ngày 23/10/2023 của Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU; Kết luận số 227-KL/TU ngày 28/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án nâng cao hiệu quả hệ thống công trình thủy lợi và cấp nước sạch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Thông báo kết luận số 1332-TB/TU ngày 27/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Kết luận số 227-KL/TU

sở nhà đất, trụ sở làm việc, tài sản công theo quy định của pháp luật; rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định, chính sách, định mức, tiêu chuẩn về sử dụng tài sản công; kiên quyết phòng, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, tài chính, tài sản công.

Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó chú trọng công tác truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Tăng cường công tác theo dõi thi hành pháp luật, gắn với công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và kiểm soát thủ tục hành chính. Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh để khắc phục bất cập, sở hử, chống chéo. Thực hiện đúng quy định của pháp luật trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, dân chủ, lấy ý kiến rộng rãi các đối tượng chịu sự điều chỉnh và phòng chống tham nhũng, tiêu cực, kiểm soát quyền lực trong công tác xây dựng pháp luật.

15. Tăng cường quản lý chặt chẽ các dự án đầu tư, nhất là đối với dự án khu đô thị, khu nhà ở, dự án khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các dự án sản xuất kinh doanh ở ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Chú trọng thanh tra, kiểm tra, giám sát trước, trong, sau triển khai dự án đầu tư có sử dụng đất; phòng ngừa, phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm vi phạm của các dự án, nhất là về đất đai, đầu tư, quy hoạch, xây dựng, tài chính, thuế, môi trường.

Rà soát, phân loại, kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai, dự án vi phạm pháp luật, cam kết đầu tư, bảo vệ môi trường, kể cả chấm dứt hoạt động, thu hồi dự án để chống lãng phí. Những dự án qua đánh giá chứng minh được tính khả thi, hiệu quả thì cần có cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ cho nhà đầu tư tiếp tục triển khai và sớm đưa dự án vào hoạt động. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, đất đai, xây dựng, cơ quan ra quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm trong việc xử lý các dự án nói trên theo quy định của pháp luật.

16. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và các lĩnh vực của đời sống xã hội; tích cực triển khai hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống; xây dựng và nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ cao; xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh. Hiện đại hóa hệ thống chuẩn đo lường, thiết bị đo lường và phòng thử nghiệm tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách đột phá thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, phong trào khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, trọng tâm là trong doanh nghiệp, các cơ sở nghiên cứu, trường đại học. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số và thích ứng với môi trường số; phát triển hạ tầng kỹ thuật, nền tảng số; tập trung phát triển dữ liệu số, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kho dữ liệu dùng chung được tích hợp, kết nối liên thông, chia sẻ, cập nhật thường xuyên. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; tăng cường đầu tư chuyển đổi số trong các cơ quan quản lý Nhà nước và hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chuyển đổi số, thích ứng với

môi trường số. Tuyên truyền, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ hành chính công trực tuyến, giao tiếp với cơ quan hành chính nhà nước qua mạng, hạn chế việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ giấy.

Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chủ trương của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số⁸.

17. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, chú trọng hơn nữa chất lượng giáo dục mầm non và tiểu học. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả và chất lượng Chương trình giáo dục phổ thông 2018, từ năm học 2024-2025 triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đồng loạt ở tất cả các khối lớp từ khối lớp 1 đến khối lớp 12. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển đội ngũ nhà giáo, giải quyết tình trạng thừa, thiếu giáo viên, nhất là tình trạng thiếu giáo viên mầm non, phổ thông; tiếp tục triển khai lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo của giáo viên. Rà soát, bố trí, sắp xếp, điều chuyển, phân công giáo viên theo vị trí việc làm, khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ ở các cấp học, môn học. Thực hiện hiệu quả Đề án đảm bảo cơ sở vật chất Chương trình giáo dục mầm non và phổ thông trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025. Sớm tổng kết và trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 999/QĐ-TTg ngày 10/7/2009 về Phê duyệt Đề án xây dựng Khu Đại học Phố Hiến tại tỉnh Hưng Yên.

Tăng cường đầu tư, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy, học gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục, đào tạo. Đẩy mạnh phòng, chống tiêu cực trong thi tuyển; khắc phục, xử lý tình trạng lạm thu, thu các khoản phí, lệ phí ở các cơ sở giáo dục, tình trạng dạy thêm, học thêm trái quy định.

Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả chủ trương của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển giáo dục⁹.

18. Tập trung xây dựng và triển khai tốt Chương trình tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2020-2025. Nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên y tế đáp ứng sự hài lòng của người bệnh; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của nhân dân, nhất là hệ thống y tế cơ sở. Tập trung phòng chống, kiểm soát dịch bệnh; chủ động xây dựng, triển khai kế hoạch ứng phó với các tình huống dịch bệnh; không để dịch bệnh lớn xảy ra ngoài tầm kiểm soát. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế cho các cơ sở y tế; khắc phục tình trạng thiếu nhân lực, thuốc, trang thiết bị, vật tư, sinh phẩm y tế. Đẩy mạnh tuyển dụng, tiếp nhận và đào tạo đội ngũ cán bộ bác sỹ chuyên khoa sâu, có trình độ chuyên môn cao và chuẩn

⁸Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kết luận số 682-KL/TU ngày 30/6/2023 của Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU; Thông báo số 671-TB/TU ngày 19/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình, kết quả sau 1 năm thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU.

⁹ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Tỉnh ủy về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kết luận số 719-KL/TU ngày 23/10/2023 của Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU; Thông báo số 898-TB/TU ngày 23/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình, kết quả 1 năm thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU.

hoá trình độ đội ngũ cán bộ y tế các tuyến. Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính và tỷ lệ sinh con thứ ba, trong đó coi trọng công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân.

Tiếp tục đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các cơ sở khám chữa bệnh và mua sắm trang thiết bị, dụng cụ y tế; kiên quyết không để tình trạng thiếu thuốc chữa bệnh. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong lĩnh vực y tế, bảo hiểm y tế.

Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 27-NQ/TU ngày 26/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về Đề án phát triển y tế cơ sở, y tế dự phòng và công tác dân số tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

19. Đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo và gia đình. Nâng cao chất lượng phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; phát triển các phong trào văn hoá, thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao. Đẩy mạnh huy động các nguồn lực đầu tư, trùng tu, tôn tạo, bảo tồn, phục dựng, chống xuống cấp các di sản văn hoá, di tích lịch sử. Phát huy các giá trị di tích lịch sử, di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh gắn với phát triển du lịch; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá các di sản văn hoá, di tích lịch sử. Tiếp tục kiện toàn và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác văn hoá, người trực tiếp quản lý các di tích lịch sử, di sản văn hoá. Quan tâm đầu tư phát triển đồng bộ các thiết chế văn hóa, thể thao ở cấp tỉnh, huyện, xã gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và đô thị văn minh, hiện đại; ưu tiên quy hoạch, bố trí diện tích và huy động vốn đầu tư để xây dựng các công trình văn hoá, thể thao. Tích cực hình thành các điểm đến du lịch và chủ trì, phối hợp tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao, giao lưu, hội nghị, hội thảo tầm quốc gia, quốc tế tại tỉnh. Xây dựng mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch làng nghề. Tăng cường quảng bá, xúc tiến du lịch qua các kênh truyền thông hiện đại và liên kết với các tổ chức lễ hành.

Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chủ trương liên quan của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.¹⁰

20. Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách an sinh xã hội và cải thiện phúc lợi xã hội; quan tâm chăm lo đời sống của các đối tượng chính sách, người có công, người nghèo, người lao động, các đối tượng yếu thế. Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững, đưa tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2025 còn 0,35% và phấn đấu không còn hộ nghèo. Năm 2025, các chỉ số về an sinh xã hội đạt mức cao, thuộc nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước.

Phát triển lực lượng lao động, nhất là lao động chất lượng cao, lao động lành nghề, có chứng chỉ, bằng cấp; chủ động một bước đáp ứng cơ bản nhu cầu về số

¹⁰Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 08/1/2021 của Tỉnh uỷ về Chương trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kết luận số 720-KL/TU ngày 23/10/2023 của Tỉnh uỷ về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU; Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 08/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về Đề án phát triển hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

lượng, cơ cấu trình độ, kỹ năng lao động của các doanh nghiệp, dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, nhất là các dự án ứng dụng công nghệ cao. Triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút lao động có trình trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là giáo viên, bác sỹ, kỹ sư công nghệ thông tin. Tăng cường công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho người lao động. Sắp xếp, đổi mới, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tăng cường kết nối giữa cung - cầu lao động, liên kết giữa Nhà nước, các cơ sở đào tạo nghề với doanh nghiệp. Khuyến khích thành lập các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có chất lượng cao, đáp ứng các chuẩn nghề khu vực và quốc tế. Xây dựng đề án phát triển lực lượng lao động chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong tình hình mới. Nâng cao chất lượng dự báo và thông tin thị trường lao động; đổi mới và nâng cao hiệu quả Trung tâm dịch vụ việc làm của tỉnh. Tăng cường phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác an sinh xã hội, lao động, việc làm và bảo hiểm thất nghiệp.

Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả chủ trương, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về đào tạo nghề, giảm nghèo bền vững¹¹.

21. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, nhất là các lĩnh vực, ngành, địa bàn, đối tượng tiềm ẩn nhiều nguy cơ xảy ra vi phạm pháp luật như quản lý đất đai, đầu tư, tài nguyên, bảo vệ môi trường, xây dựng, đô thị, bất động sản, tài chính, ngân sách nhà nước, tài sản công... Phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật và kiến nghị xử lý bất cập về cơ chế, chính sách. Xử lý nghiêm hành vi bao che, bỏ qua vi phạm, khuyết điểm; trường hợp phát hiện có dấu hiệu hình sự phải chuyển ngay cơ quan cảnh sát điều tra.

Tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; giải quyết kịp thời, dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh ở cơ sở; không để phát sinh các vụ việc khiếu kiện đông người, vượt cấp. Tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài. Đẩy mạnh phổ biến, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

22. Bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường hòa bình, an toàn, thuận lợi để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế và Nhân dân được thụ hưởng cuộc sống hạnh phúc, bình yên. Tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức và tổ chức tinh, gọn, mạnh. Xây dựng lực lượng

¹¹ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Tỉnh uỷ về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kết luận số 719-KL/TU ngày 23/10/2023 của Tỉnh uỷ về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU; Thông báo Kết luận số 898-TB/TU ngày 23/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tình hình, kết quả 1 năm thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU; Nghị quyết số 31-NQ/TU ngày 12/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về Chương trình phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm và giảm nghèo tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 41-NQ/TU ngày 21/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 52-NQ/TU ngày 26/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về đào tạo nghề, hỗ trợ việc làm cho hạ sỹ quan, chiến sỹ nghĩa vụ Công an nhân dân xuất ngũ và quân nhân hoàn thành nghĩa vụ Quân sự giai đoạn 2024-2030.

công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Chủ động tăng cường phòng, chống, trấn áp tội phạm, ngăn ngừa tệ nạn xã hội; đấu tranh triệt phá không để hình thành băng nhóm tội phạm; giảm tội phạm ma túy và tai nạn giao thông; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng, đấu tranh hiệu quả với tội phạm công nghệ cao; bảo đảm an toàn phòng, chống cháy, nổ trong các cơ quan, cơ sở sản xuất kinh doanh và khu dân cư. Không để hình thành “điểm nóng” phức tạp về an ninh, trật tự hoặc xảy ra tình huống bị động, bất ngờ. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và phân đấu hoàn thành các công trình trong khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện; duy trì nghiêm nề nếp, chế độ sẵn sàng chiến đấu, diễn tập, luyện tập thành thực các phương án, kế hoạch tác chiến, phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, cháy, nổ. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên đủ về số lượng và bảo đảm chất lượng tốt. Chú trọng thực hiện hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Triển khai chặt chẽ các bước tuyển sinh, tuyển quân hoàn thành chỉ tiêu trên giao, chất lượng tốt.

Nhiệm vụ kế hoạch năm 2025 rất nặng nề, tình hình trong nước và tỉnh ta còn nhiều khó khăn, thách thức; đòi hỏi các cấp, các ngành cần tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt thực hiện nhiệm vụ ngay từ những ngày đầu năm. Với tinh thần chủ động, sáng tạo, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh nỗ lực phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

UBND tỉnh trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH^H.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Lê Huy